TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:26/2023/QĐST-HNGĐ

T, ngày 28 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:33/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị G**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu Ú, xã Th, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn S,** sinh năm 1980;

Địa chỉ: Khu Ú, xã Th, huyện T, tỉnh P.

Người bảo vệ quyền lợi cho Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Bà Đinh Thị Hạnh- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Chị Hà Thị G và anh Hoàng Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Chị G; anh S xác nhận vợ chồng có hai con chung Hoàng Thị X, sinh ngày 12/10/2012 và Hoàng Văn S, sinh ngày 08/10/2005. Khi ly hôn nguyện vọng của các con ở với anh S nên hai bên thỏa thỏa thuận anh S có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con chung Hoàng Thị X và Hoàng Văn S kể từ tháng 6 năm 2023 đến khi thành niên. Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Chị G; anh S không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị G; anh S là người Dân tộc sinh sống tại khu điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Văn Chí